|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH NINH BÌNH**  **ĐỀ THI TUẦN 3** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**  **Năm học 2024-2025**  **Môn: Địa lí**  *Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)* |
| *(Đề thi gồm 28 câu, trong 04 trang)* |  |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Do nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á nên nước ta có

**A.** tổng bức xạ trong năm rất lớn. **B.** hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

**C.** khí hậu có sự phân mùa rõ rệt. **D.** biên độ nhiệt độ luôn rất thấp.

**Câu 2.** Sự phân hóa đa dạng của địa hình nước ta là kết quả tác động

**A.** con người, vận động kiến tạo trong điều kiện lượng mưa lớn quanh năm.

**B.** giữa nội lực, ngoại lực trong điều kiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

**C.** vận động nâng lên hạ xuống, ảnh hưởng của lượng mưa và con người.

**D.** của nội lực, con người, biển Đông và lượng mưa lớn diễn ra trong năm.

**Câu 3.** Địa hình nước ta chịu tác động mạnh mẽ của quá trình bóc mòn chủ yếu do

**A.** chế độ thủy triều phức tạp, vùng biển rộng, khí hậu nóng ẩm, mưa mùa.

**B.** đường bờ biển dài, nhiều đồi núi, sườn dốc, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**C.** mức độ chia cắt địa hình lớn, khí hậu nóng ẩm, lớp vỏ phong hóa dày.

**D.** núi đá vôi trải rộng, mưa lớn tập trung, lớp phủ thực vật bị tàn phá.

**Câu 4.** Sông ngòi ở phía Bắc của Bắc Trung Bộ thường dài hơn phía Nam vùng này do

**A.** sông chảy khu vực có lãnh thổ hẹp, lưu lượng nước sông lớn.

**B.** sông bắt nguồn từ các sườn núi cao và đồ sộ, ít các phụ lưu.

**C.** sông chảy trong vùng có diện tích rộng lớn, lãnh thổ rộng hơn.

**D.** sông chảy khu vực có độ dốc trung bình nhỏ và lãnh thổ hẹp.

**Câu 5.** Sinh vật nước ta đa dạng là kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là

**A.** đất đai phong phú, tác động của con người lại tạo và thay đổi sự phân bố.

**B.** khí hậu phân hoá, con người lai tạo giống, vị trí trung tâm Đông Nam Á.

**C.** địa hình phần lớn đồi núi, vị trí giáp biển, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**D.** vị trí nơi gặp gỡ của các luồng di cư, địa hình, khí hậu, đất đai phân hoá.

**Câu 6.** Giải pháp chủ yếu để đẩy nhanh quá trình đô thị hóa ở nước ta là

**A.** phát triển giao thông vận tải và dịch vụ hạ tầng đô thị.

**B.** phát triển các hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn.

**C.** tăng số lượng và mở rộng địa giới hành chính các đô thị.

**D.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

**Câu 7.** Khu vực công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng trưởng nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nước ta có tài nguyên thiên nhiên và lao động dồi dào.

**B.** Áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật hiện đại vào sản xuất.

**C.** Xu hướng của thế giới và tác động cách mạng khoa học kĩ thuật.

**D.** Đường lối chính sách, phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

**Câu 8.** Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là

**A.** khai thác tốt tiềm năng đất đai, khí hậu mỗi vùng.

**B.** giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân.

**C.** tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.

**D.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

**Câu 9.** Sản lượng công nghiệp khai thác than ở nước ta tăng khá nhanh trong thời gian gần đây là do

**A.** chính sách phát triển công nghiệp của Nhà nước.

**B.** nước ta phát triển mạnh các nhà máy nhiệt điện.

**C.** thu hút được nguồn vốn đầu tư lớn từ nước ngoài.

**D.** mở rộng thị trường, đầu tư cho thiết bị khai thác.

**Câu 10.** Ngành công nghiệp mũi nhọn mang lại hiệu quả cao về mặt xã hội thể hiện qua việc

**A.** tích lũy nguồn vốn cho quá trình công nghiệp hóa, tạo nhiều việc làm.

**B.** phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển dịch vụ.

**C.** góp phần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng các ngành kinh tế ở trong nước.

**D.** phục vụ đời sống nhân dân, nâng cao chất lượng lao động, tạo việc làm.

**Câu 11.** Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy ngành giao thông vận tải nước ta phát triển mạnh trong những năm gần đây là

**A.** có điều kiện tự nhiên thuận lợi.  **B.** nền kinh tế tăng trưởng nhanh.

**C.** thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư.  **D.** đời sống nhân dân được nâng cao.

**Câu 12.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho ngành du lịch nước ta phát triển nhanh trong thờigian gần đây?

**A.** Nhu cầu du lịch tăng, có nhiều di sản thế giới.

**B.** Tài nguyên du lịch phong phú, cơ sở lưu trú tốt.

**C.** Chính sách phát triển, nhu cầu về du lịch tăng.

**D.** Thu hút nhiều vốn đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng.

**Câu 13.** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** hỗ trợ nguồn nguyên liệu cho vùng Đồng bằng sông Hồng và các vùng lân cận.

**B.** gắn sản xuất cây công nghiệp, cây đặc sản với phát triển công nghiệp chế biến.

**C.** giải quyết việc làm, cải thiện thêm chất lượng cuộc sống cho người lao động.

**D.** hình thành và phát triển nông nghiệp của vùng theo hướng chuyên môn hóa.

**Câu 14.** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tỉ lệ thiếu việc làm ở vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng cao là

**A.** công nghiệp mới bước đầu phát triển với cơ cấu đơn giản.

**B.** diện tích đất nông nghiệp bình quân theo đầu người thấp.

**C.** dòng người di cư từ nông thôn lên thành phố tìm việc làm.

**D.** tập trung nhiều thành phố lớn với mật độ dân số rất cao.

**Câu 15.** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các khu kinh tế ven biển ở Bắc Trung Bộ là

**A.** tăng cường thu hút nguồn đầu tư, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá.

**B.** giải quyết việc làm cho lao động, góp phần phân bố lại dân cư.

**C.** mở rộng các đô thị, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.

**D.** tăng cường kết cấu hạ tầng, làm thay đổi bộ mặt vùng ven biển.

**Câu 16.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác hợp lí và bảo vệ tài nguyên.

**B.** bảo vệ chủ quyền biển đảo, tạo việc làm và tăng thêm thu nhập.

**C.** thu hút vốn đầu tư, hiện đại hóa được sản xuất và cơ sở hạ tầng.

**D.** khai thác tiềm năng, hạn chế thiên tai và hiện đại hóa sản xuất.

**Câu 17. Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho Đông Nam Bộ khai thác có hiệu quả thế mạnh về biển?**

**A.** Thu hút các nguồn đầu tư, đổi mới chính sách, mở rộng thị trường.

**B.** Tập trung hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.

**C.** Nâng cao nhận thức cho người dân, đào tạo và hỗ trợ về việc làm.

**D.** Phân bố lại dân cư, lao động ven biển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 18.** Hiện tượng xâm nhập mặn hiện nay diễn ra ngày càng trầm trọng ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do

**A.** nước biển dâng, nhiều cửa sông đổ ra biển, không có hệ thống đê ngăn mặn.

**B.** mùa khô sâu sắc, tác động mạnh của thủy triều, phát triển nuôi trồng thủy sản.

**C.** địa hình đồng bằng thấp, mạng lưới sông ngòi chằng chịt, mùa lũ đến muộn.

**D.** biến đổi khí hậu, phát triển thủy điện ở thượng lưu, rừng ngập mặn suy giảm.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Sự đa dạng sinh học bao gồm cả sự đa dạng về hệ địa - sinh thái, sự đa dạng về thành phần loài và sự đa dạng về công dụng. Với nhiều nền nhiệt ẩm khác nhau của khí hậu, với sự tương phản giữa đồng bằng - ven biển và đồi núi, với sự phân hóa theo vị trí địa lý, với lịch sử phát triển tự nhiên lâu dài, các hệ địa - sinh thái rừng thay đổi từ bắc xuống nam, từ tây sang đông và từ thấp lên cao.

**a)** Cảnh quan tiêu biểu của vùng lãnh thổ phía Nam nước ta là đới rừng cận xích đạo gió mùa. (Đúng)

**b)** Ở phần lãnh thổ phía Bắc, mùa đông ở đồng bằng có thể trồng các loại rau có nguồn gốc ôn đới. (Đúng)

**c)** Cây họ Dầu, các loài thú lớn chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam do không có mùa đông lạnh. (Sai)

**d)** Một số khu vực ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ xuất hiện hệ sinh thái xavan chủ yếu do mùa khô kéo dài từ 4 - 5 tháng trong năm. (Đúng)

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Số dân phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2010 - 2021**

*(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2016** | **2021** |
| Tổng số | 87067,3 | 90191,4 | 93250,7 | 98506,2 |
| Dân số thành thị | 26460,5 | 28865,1 | 31397,0 | 36564,7 |
| Dân số nông thôn | 60606,8 | 61326,3 | 61853,7 | 61941,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

**a)** Số dân, số dân thành thị và số dân nông thôn của nước ta tăng liên tục qua các năm. (Đúng)

**b)** Số dân thành thị tăng ngày càng tăng nhưng tốc độ tăng chậm hơn số dân nông thôn. (Sai)

**c)** Tỉ lệ dân thành thị tăng liên tục do quá trình đô thị hóa được đẩy mạnh và sự phát triển kinh tế. (Đúng)

**d)** Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2010 – 2021. (Đúng)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi đã có những chuyển biến tích cực, kĩ thuật và công nghệ tiên tiến được áp dụng vào các mô hình trang trại; phát triển phương thức chăn nuôi theo hướng hữu cơ, xây dựng vùng nuôi an toàn để kiểm soát dịch bệnh; chế biến sâu, gắn với phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi công nghiệp.

**a)** Cơ cấu sản phẩm của ngành chăn nuôi chuyển dịch theo hướng tăng các sản phẩm không qua giết thịt. (Đúng)

**b)** Các dịch vụ thú y phát triển đã ngăn chặn hoàn toàn sự lây lan của dịch bệnh trong chăn nuôi. (Sai)

**c)** Mô hình nuôi gà công nghiệp được đẩy mạnh ở các vùng đồng bằng lớn do có thị trường tiêu thụ, thức ăn và cơ sở chế biến. (Đúng)

**d)** Nguyên nhân ngành chăn nuôi nước ta gần đây phát triển nhanh là cơ sở thức ăn đảm bảo hơn, nhu cầu tăng nhanh. (Đúng)

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Khí hậu của Tây Nguyên có tính chất cận xích đạo, có sự phân hóa theo mùa rõ rệt. Do ảnh hưởng của độ cao nên các khu vực địa hình trên 1 000 m có khí hậu mát mẻ. Vì thế, vùng có thể đa dạng hóa cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới (cà phê, cao su, hồ tiêu,...), cây có nguồn gốc cận nhiệt (chè, cây dược liệu...) và phát triển du lịch.

**a)** Cây công nghiệp lâu năm của Tây Nguyên chủ yếu là cây ưa nhiệt. (Đúng)

**b)** Mùa khô sâu sắc kéo dài là nhân tố khó khăn chủ yếu cho sản xuất nông sản ở Tây Nguyên. (Đúng)

**c)** Do có mưa vào thu đông nên Tây Nguyên cần phát triển thủy lợi hợp lí nhằm phát triển nông nghiệp hiệu quả. (Sai)

**d)** Nguyên nhân đe dọa xói mòn đất nếu mất thực vật ở Tây Nguyên chủ yếu là do sự phân hóa mạnh giữa mùa khô kéo dài và mùa mưa. (Đúng)

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

# Câu 1: Cho bảng số liệu

LƯU LƯỢNG DÒNG CHẢY THÁNG TRUNG BÌNH NHIỀU NĂM

TẠI TRẠM THỦY VĂN THÁC BƯỞI (SÔNG CẦU)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trạm** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Thác Bưởi( sông Cầu)** | 13,1 | 12,1 | 13,9 | 24,1 | 45,9 | 86,2 | 117 | 128 | 121 | 94,4 | 27,6 | 15,6 |

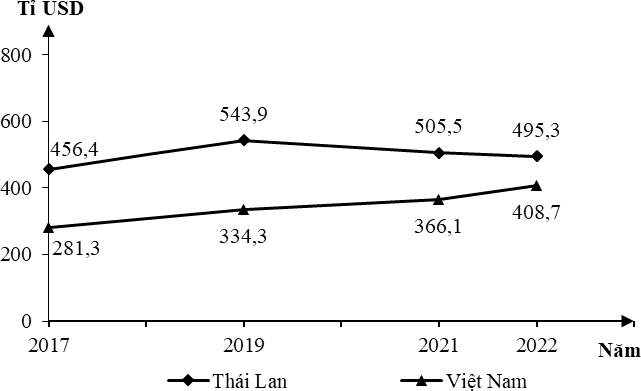
*(Đơn vị: m3/s)*

*(Nguồn: Giáo trình Địa lí tự nhiên Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm)*

Tính tổng lưu lượng dòng chảy các tháng mùa cạn trạm Thác Bưởi (sông Cầu) *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m3/s).*

**Đáp án: 152**

**Câu 2:** Cho biểu đồ:



TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2023, htt*[*ps://www.aseanstats.org)*](http://www.aseanstats.org/)

Tính chênh lệch tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan giai đoạn 2017 – 2022 *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %).*

**Đáp án: 36,8**

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế ở nước ta,**

**giai đoạn 2010 - 2020**

*(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2016** | **2018** | **2020** |
| **Tổng số** | **49124** | **53345** | **54282,5** | **53609,6** |
| Kinh tế Nhà nước | 5025 | 4702 | 4525,9 | 4098,4 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước | 42370 | 45025 | 45215,4 | 44777,4 |
| Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 1729 | 3591 | 4541,2 | 4733,8 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Cho biết tỉ trọng lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực ngoài Nhà nước năm 2020 của nước ta gấp bao nhiêu lần khu vực Nhà nước? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*

**Trả lời**

- Tỉ trọng lao động khu vực ngoài Nhà nước năm 2020: (44777,4 : 53609,6) x 100 = 83,52497 %

- Tỉ trọng lao động khu vực Nhà nước năm 2020: (4098,4 : 53609,6) x 100 = 7,644899 %

**Đáp án: 83,52497 : 7,644899 ≈ 11**

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng lúa đông xuân của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2022** |
| Diện tích *(nghìn ha)* | 3 085,9 | 3 168,0 | 3 024,0 | 2 992,3 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 19 216,6 | 21 091,7 | 19 874,4 | 19 976,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê,2023)*

Cho biết năng suất lúa đông xuân của nước ta năm 2022 tăng lên bao nhiêu tạ/ha so với năm 2010? *(làm tròn kết quá đến 1 chữ số thập phân)*

**Trả lời**

- Năng suất lúa đông xuân năm 2010 là: 19216,6 : 3085,9 = 6,227227 tấn/ha = 62,27227 tạ/ha

- Năng suất lúa đông xuân năm 2022 là: 19976,0 : 2992,3 = 6,675801 tấn/ha = 66,75801 tạ/ha

**Đáp án: 66,75801 - 62,27227 ≈ 4,5**

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Tổng diện tích rừng và rừng tự nhiên ở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2010 - 2021**

*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Tổng diện tích rừng | 2874,4 | 2561,9 | 2565,0 | 2572,1 |
| *Trong đó: Rừng tự nhiên* | 2653,9 | 2246,0 | 2179,8 | 2104,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2021)*

Tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng trồng của vùng Tây Nguyên năm 2021 so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%). *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**Trả lời**

- Diện tích rừng trồng của Tây Nguyên năm 2010 là: 2874,4 - 2653,9 = 220,5 nghìn ha.

- Diện tích rừng trồng của Tây Nguyên năm 2021 là: 2572,1 - 2104,1 = 468 nghìn ha.

**Đáp án: (468 : 220,5) x 1 ≈ 212**

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản của vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

*(Đơn vị : Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Tổng sản lượng | 364,5 | 436,4 | 519,8 | 518,3 |
| - Sản lượng khai thác | 278,8 | 317,3 | 376,7 | 374,1 |
| - Sản lượng nuôi trồng | 85,7 | 119,1 | 143,1 | 144,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

Cho biết sản lượng thủy sản khai thác trong giai đoạn 2010 - 2021 tăng thêm nhiều hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng thêm là bao nhiêu nghìn tấn? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của nghìn tấn)*

**Trả lời**

- Sản lượng thủy sản khai thác tăng thêm trong giai đoạn 2010 - 2021 là: 374,1 - 278,8 = 95,3 nghìn tấn.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng thêm trong giai đoạn 2010 - 2021 là: 144,2 - 85,7 = 58,5 nghìn tấn.

**Đáp án: 95,3 - 58,5 = 36,8**